

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kim Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Phạm Huy H, sinh năm 1999;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương;

Hiện đang chấp hành án tại Đội 6, khu sản xuất K, thuộc Trại giam H, Cục C10 Bộ Công an (địa chỉ: Xã D, thị xã K, tỉnh Hải Dương).

*** Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh H, bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2021, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị và anh Phạm Huy H kết hôn với nhau ngày 23/11/2021 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T. Sau đó, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống tại nhà anh H ở thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi về chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, không chịu làm ăn, hay chơi bời, đi qua đêm và sử dụng ma túy. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh H nhưng anh H không chịu thay đổi. Cuối tháng 12/2021, anh H bị Công an bắt, sau đó bị kết án 4 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và đi chấp hành án tại Khu sản xuất K, thuộc Trại giam H, Cục C10, Bộ Công an. Chị cũng chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã C, huyện T ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2022. Hiện tại, con chung đang ở với chị. Do cháu còn nhỏ tuổi nên chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại chị làm công nhân, thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đ/tháng, chị đủ khả năng để chăm sóc tốt cho con. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 27/4/2023 và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, anh Phạm Huy H trình bày thống nhất các nội dung như chị T đã trình bày về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa anh và chị T. Anh xác định thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khi anh bị bắt và bị xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thì chị T và gia đình rất sốc. Khi anh đi chấp hành án thì chị T vẫn thỉnh thoảng vào thăm. Đến tháng 2/2023, chị T nói với anh là muốn ly hôn. Sau đó, một thời gian thì chị T nộp đơn đến Tòa án. Nay anh xác định vẫn còn yêu chị T nên anh không đồng ý ly hôn chị T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày. Hiện tại, cháu Quỳnh A còn nhỏ và do chị T nuôi dưỡng, anh lại đang chấp hành án phạt tù nên quan điểm của anh là nếu vợ chồng ly hôn thì đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con với chị T. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Nguyễn Thị H - Mẹ đẻ chị T xác định: Sau khi chị T và anh H kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ đẻ anh H ở thôn P, xã C, huyện T. Quá trình chung sống, chị T nhiều lần khóc và tâm sự với bà về việc anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đi qua đêm, nghiện ma túy. Do vợ chồng mới cưới nên bà cũng bảo chị T cố nhẫn nhịn khuyên bảo để anh H sửa đổi tính nết dần. Đến tháng 12/2021, anh H bị bắt và bị xử phạt tù về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Sau đó, chị T đã về nhà bà ở. Nay chị T xin ly hôn anh H, bà H có quan điểm là đề nghị

Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Về con chung: Quan điểm của bà H là đề nghị giao con chung Phạm Quỳnh A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng vì cháu còn nhỏ và ở với chị T từ khi sinh ra đến nay. Bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và kinh tế để hỗ trợ chị T chăm sóc tốt cho cháu Quỳnh A.

- Tại biên bản xác minh với trưởng thôn Phương La xác định: Khoảng cuối năm 2021, anh H bị bắt và xử phạt tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau đó, chị T đưa con về nhà mẹ đẻ ở. Nay chị T xin ly hôn anh H và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, quan điểm của thôn là đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị T, anh H vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Huy H. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2022 cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Huy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Huy H cư trú tại thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn anh H và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau ngày 23/11/2021 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T. Do vậy, hôn nhân của chị T, anh H là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H hay chơi bời, mua bán trái phép chất ma túy dẫn đến bị bắt và đi tù từ cuối tháng 12/2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng việc anh H không quan tâm, giúp đỡ, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2022. Con chung hiện tại dưới 36 tháng tuổi, vẫn đang được chị T chăm sóc tốt. Cả chị T và anh H đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận theo yêu cầu của chị T về việc giao con Phạm Quỳnh A cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị, đây là ý kiến tự nguyện của chị T, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn anh Phạm Huy H.

2. Về con chung: Xử giao con chung Phạm Quỳnh A, sinh ngày 28/4/2022 cho chị Nguyễn Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Phạm Huy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị T đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0003486 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã C (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Kim Giang